

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: TTT22B1 Năm học: 22-23
Mã môn học/ Mô đun: MH04226 Học kỳ: 01
Tên môn học/ Mô đun: Tiếng anh
Số tín chỉ: 4

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH MĐ	
1	2256201102455	Nguyễn Tấn	Bánh	23/12/2007				5	6.0	6.0	4.0	4.0		3.2	0.0	3.9
2	2256201102456	Võ Thị Bảo	Dư	05/07/2006				7	10.0	5.0	5.5	5.0		4.0		5.0
3	2256201102457	Lâm Thúy	Duy	04/02/2007				9	6.0	4.8	5.3	5.0		4.2	5.6	5.6
4	2256201102458	Trần Thanh	Đại	07/09/2007				6	7.0	6.3	7.5	5.5		7.4		7.0
5	2256201102459	Võ Quốc	Hiền	02/12/2007				7	5.0	9.3	9.8	6.8		9.6		8.8
6	2256201102460	Nguyễn Văn	Hoàng	23/12/2007				5	6.0	5.0	6.3	4.0		9.6		7.9
7	2256201102461	Lâm Bảo	Huy	04/11/2007				5	5.0	4.8	5.5	6.0		5.2		5.2
8	2256201102462	Võ Hoàng	Huy	27/09/2007				6	6.0	5.3	4.8	5.0		7.2		6.5
9	2256201102463	Dương Hoàng	Khang	17/08/2007				5	8.3	6.3	6.0	5.0		4.4		5.1
10	2256201102464	Nguyễn Chí	Khang	14/09/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2256201102465	Đỗ Phạm Quốc	Khánh	24/04/2005				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2256201102466	Nguyễn Gia	Khánh	06/11/2007				6	7.0	6.0	8.3	7.0		7.6		7.3
13	2256201102467	Tăng Nguyễn Anh	Khoa	11/07/2007				6	7.3	6.3	8.0	6.5		8.4		7.8
14	2256201102468	Trần Nhật	Linh	23/08/2007				8	9.0	7.3	9.5	7.8		9.4		9.0
15	2256201102469	Lý Bảo	Lộc	17/11/2007				5	8.3	9.0	7.8	7.5		5.0		6.1
16	2256201102470	Tổng Nguyễn Hồng	Luân	29/04/2007				7	7.3	7.0	7.8	6.8		5.4		6.1
17	2256201102471	Võ Hoàng	Nam	11/03/2006				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
18	2256201102472	Đỗ Hữu	Nghĩa	06/01/2007				6	5.0	5.0	5.0	5.0		3.0	0.0	3.8

Châu Đốc, ngày 10 tháng 03 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Hoa Tiên